

Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Số: 309 /TTr-TCTLN

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tửu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 19) phường Him Lam.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tửu thị trấn huyện Điện Biên); cụ thể như sau:

I. Căn cứ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007, Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25/2/2008, Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04/5/2009, Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10/8/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều về bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008, Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành qui định cụ thể một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết

định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008, Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 09/12/2008, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 11/9/2009, Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 19/04/2011, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2010 của UBND tỉnh Điện Biên về quy định một số nội dung và sửa đổi một số điều của các Quyết định của UBND tỉnh về quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư thủy điện Sơn La áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Văn bản số 1828/TTg-KTN ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý đề nghị của Bộ Tài chính về dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 11551/BTC-ĐT ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính về báo cáo kết quả thực hiện và xử lý kiến nghị của Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành bảng đơn giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; Biên bản làm việc liên ngành thống nhất giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn phường Him Lam và phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ ngày 07/3/2017.

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận QSD đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và diện tích đất xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư các dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung thành viên và nhiệm vụ cho Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau

đây gọi là Tổ công tác).

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên).

Căn cứ Công văn số 3359/UBND-TĐC ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư một số Dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù đối với các dự án thành phần thuộc Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu tái định cư Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai II: Nối tiếp khu tái định cư Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu tái định cư Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, thành phố Điện Biên Phủ.

Căn cứ Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Văn bản số 1189/UBND-TH ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Tờ trình số 33/TTr-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TTr-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TTr-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TTr-TCTLN ngày 26/10/2017 và Tờ trình số 350/TTr-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành đề nghị phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 phường Him Lam.

Căn cứ Biên bản thống nhất nội dung lập tính toán điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 19) phường Him Lam, ngày 29 tháng 10 năm 2019,

II. Nội dung trình

1. Tên phương án: điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 19) phường Him Lam.

2. Địa điểm thực hiện: phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

3. Nội dung và quy mô: Bồi thường hỗ trợ về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ.

4. Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ là: -1.325.717 đồng (Bằng chữ: Âm một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm mười bảy đồng).

Trong đó:

- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất:	42.435.360	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:	-43.850.883	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:		0 đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung hỗ trợ:	115.800	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện:	-25.994	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng cưỡng chế		đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

5. Nguồn vốn chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được sử dụng từ nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La theo kế hoạch hàng năm của tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Điện Biên.

6. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

Phối hợp với đại diện chủ đầu tư, căn cứ phương án, dự toán kinh phí được phê duyệt, chứng từ liên quan thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

+ Chi trả cho các đối tượng trong phương án các khoản tiền: Bồi thường hỗ trợ về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ.

+ Thanh toán các khoản chi phí tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án;

+ Tập hợp các chứng từ chi phí thực tế có liên quan lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

+ Chuyển tiền chi phí tổ chức thực hiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo tiến độ thực hiện.

b) Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí tái định cư và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Thu Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có) cho người sử dụng đất bị thu hồi chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng;

c) Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án đối trừ đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng TNMT TP;
- TTPTQĐ; CN TTPTQĐ TP;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ**



**Ô. GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngôn Ngọc Khuê**

BIỂU 1: CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VỀ ĐẤT, TÀI SẢN VẬT KIẾN TRÚC, CÂY TRỒNG VẬT NUÔI VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH THUỘC DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYÊN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA PHƯỜNG NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PÚ TỬU, THỊ TRẤN HUYỆN ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Tờ trình số: ...309.../TTr-TCTLN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 33/TTr-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TTr-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TTr-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TTr-TCTLN ngày 26/10/2017; Tờ trình số 350/TTr-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành							Tổ công tác liên ngành thẩm định						
STT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Chênh lệch
23	Doãn Văn Lê (Doãn Bá Lê)					870.518.779	Doãn Văn Lê (Doãn Bá Lê)					308.510.525	-562.008.254
a	Bồi thường về đất					486.769.640	Bồi thường về đất					144.750.000	-342.019.640
	- Bồi thường đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004; vị trí 1; Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện đến ngã rẽ vào trung tâm Chính Trị Thành phố, (truy thu 50% tiền sử dụng đất theo quy định); thửa đất 09, tờ bản đồ 68	m2	100,0	1.500.000		150.000.000	- Bồi thường đất có nhà ở sau 15/10/1993 đến 1/7/2004; vị trí 1; Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện đến ngã rẽ vào trung tâm Chính Trị Thành phố, truy thu tiền sử dụng đất; thửa 09 (theo hạn mức của ông Doãn Bá Nguyệt cho)	m2	96,5	1.500.000		144.750.000	-5.250.000
	- Bồi thường đất trồng cây lâu năm, thửa 9,	m2	71,4	68.000		4.855.200						-	-4.855.200
	- Hỗ trợ 30% giá đất ở $=(30\% \times 1.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 450.000 \text{ đồng/m}^2)$. Thửa số 9	m2	71,4	450.000		32.130.000						-	-32.130.000
	- Bồi thường đất trồng cây lâu năm, thửa 7, tờ 68	m2	659,6	68.000		44.852.800						-	-44.852.800
	- Bồi thường đất trồng cây lâu năm, thửa 110, tờ 68	m2	3,2	68.000		217.600						-	-217.600
	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (mức hỗ trợ 30% giá đất ở trung bình). Thửa số 7+110	m2	662,8	384.300		254.714.040						-	-254.714.040
b	Tài sản, vật kiến trúc					336.885.357	Tài sản, vật kiến trúc					117.630.942	-219.254.414

Tờ trình số 33/TT-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TT-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TT-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TT-TCTLN ngày 26/10/2017; Tờ trình số 350/TT-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành							Tổ công tác liên ngành thẩm định						
STT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Chênh lệch
	- Nhà xây tường 10, hồi 22, lợp pro, nền láng XM: 10 x 4m	m2	40,00	2.371.920	100%	94.876.800	- Nhà xây tường 10, hồi 22, lợp pro, nền láng XM: 10 x 4m	m2	40,00	2.371.920	100%	94.876.800	0
	- Nhà trọ xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 12,7 x 4m	m2	50,80	2.371.920	100%	120.493.536	- Nhà trọ xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 12,7 x 4m	m2	50,80			-	-120.493.536
	- Nhà trọ xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 9,4 x 4,3m	m2	40,42	2.371.920	100%	95.873.006	- Nhà trọ xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 9,4 x 4,3m	m2	40,42			-	-95.873.006
	- Xi xôm	cái	2,00	300.000	100%	600.000	- Xi xôm	cái	2,00	300.000	100%	600.000	0
	- Tấm đan BTCT mặt bếp: 1 x 0,5 x 0,1m	m3	0,05	1.892.800	100%	94.640	- Tấm đan BTCT mặt bếp: 1 x 0,5 x 0,1m	m3	0,05	1.892.800	100%	94.640	0
	- Trụ bếp xây tường 11: 0,9 x 0,5 x 2 trụ	m2	0,90	283.920	100%	255.528	- Trụ bếp xây tường 11: 0,9 x 0,5 x 2 trụ	m2	0,90	283.920	100%	255.528	0
	- Bể chứa nước ngầm: 1,8 x 2 x 1 m (xây tường 10, có nắp)	m3	3,60	757.120	100%	2.725.632	- Bể chứa nước ngầm: 1,8 x 2 x 1 m (xây tường 10, có nắp)	m3	3,60	757.120	100%	2.725.632	0
	- Bể phốt xây tường 11, có nắp: 1,8 x 2 x 1m	m3	3,60	757.120	100%	2.725.632	- Bể phốt xây tường 11, có nắp: 1,8 x 2 x 1m	m3	3,60	757.120	100%	2.725.632	0
	- Bể nước xây tường 11, có nắp: 1,8 x 1,2 x 1m	m3	2,16	757.120	100%	1.635.379	- Bể nước xây tường 11, có nắp: 1,8 x 1,2 x 1m	m3	2,16	757.120	100%	1.635.379	0
	- Tường rào xây tường 11, bố trụ: 15,2 x 1,8m (cả móng)	m2	27,36	283.920	100%	7.768.051	- Tường rào xây tường 11, bố trụ: 15,2 x 1,8m (cả móng)	m2	27,36	283.920	100%	7.768.051	0
	- Trụ cổng xây gạch (cả móng): 0,4 x 0,4 x 2 x 2 trụ	m3	0,64	946.400	100%	605.696	- Trụ cổng xây gạch (cả móng): 0,4 x 0,4 x 2 x 2 trụ	m3	0,64	946.400	100%	605.696	0
	- Cánh cổng hoa sắt hoa sắt: 0,8 x 1,2 x 2 cánh	m2	1,92	378.560	100%	726.835	- Cánh cổng hoa sắt hoa sắt: 0,8 x 1,2 x 2 cánh	m2	1,92	378.560	100%	726.835	0
	- Sân BTS: 7,4 x 4,3m	m2	31,82	162.240	100%	5.162.477	- Sân BTS: 3,4 x 4,3m	m2	14,62	162.240	100%	2.371.949	-2.790.528
	- Chuồng gia cầm khác: 1 x 1,2m	m2	1,20	81.120	100%	97.344	- Chuồng gia cầm khác: 1 x 1,2m	m2	1,20			-	-97.344
	- Hệ thống điện SH	hộ	1,00	1.622.400	100%	1.622.400	- Hệ thống điện SH	hộ	1,00	1.622.400	100%	1.622.400	0

Tờ trình số 33/TTTr-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TTTr-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TTTr-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TTTr-TCTLN ngày 26/10/2017; Tờ trình số 350/TTTr-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành

Tổ công tác liên ngành thẩm định

STT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Chênh lệch
	- Hệ thống nước SH	hộ	1,00	1.622.400	100%	1.622.400	- Hệ thống nước SH	hộ	1,00	1.622.400	100%	1.622.400	0
c	Cây cối hoa màu					6.265.222	Cây cối hoa màu					6.265.222	0
	- Mít đường kính tán 4m x 1 cây	quả	50,24	14.000		703.360	- Mít đường kính tán 4m x 1 cây	quả	50,24	14.000		703.360	0
	- Chanh trồng 4 năm (nhóm I)	cây	1,00	135.000		135.000	- Chanh trồng 4 năm (nhóm I)	cây	1,00	135.000		135.000	0
	- Giàn châu không cho thu hoạch	giàn	1,00	60.000		60.000	- Giàn châu không cho thu hoạch	giàn	1,00	60.000		60.000	0
	- Nhân đường kính tán 2m x 1 cây	kg	12,56	16.000		200.960	- Nhân đường kính tán 2m x 1 cây	kg	12,56	16.000		200.960	0
	- ổi đường kính 2m x 1 cây	kg	12,56	10.000		125.600	- ổi đường kính 2m x 1 cây	kg	12,56	10.000		125.600	0
	- Thanh long chưa cho thu hoạch	gốc	2,00	60.000		120.000	- Thanh long chưa cho thu hoạch	gốc	2,00	60.000		120.000	0
	- Bon: 2,2 x 17m	m2	37,40	7.200		269.280	- Bon: 2,2 x 17m	m2	37,40	7.200		269.280	0
	- Nhân đường kính tán 4,6m x 1 cây	kg	66,44	16.000		1.063.078	- Nhân đường kính tán 4,6m x 1 cây	kg	66,44	16.000		1.063.078	0
	- Cây lấy gỗ thường đường kính > 30 cm	cây	5,00	135.000		675.000	- Cây lấy gỗ thường đường kính > 30 cm	cây	5,00	135.000		675.000	0
	- Cây lấy gỗ thường đường kính 7 - 10 cm	cây	17,00	41.000		697.000	- Cây lấy gỗ thường đường kính 7 - 10 cm	cây	17,00	41.000		697.000	0
	- Cây lấy gỗ thường đường kính 5 - 7 cm	cây	13,00	27.000		351.000	- Cây lấy gỗ thường đường kính 5 - 7 cm	cây	13,00	27.000		351.000	0
	- Trứng gà đường kính 3,6m x 1 cây	kg	40,69	10.000		406.944	- Trứng gà đường kính 3,6m x 1 cây	kg	40,69	10.000		406.944	0
	- Cây ăn quả nhóm II trồng 4 năm (vải, nhãn)	cây	9,00	162.000		1.458.000	- Cây ăn quả nhóm II trồng 4 năm (vải, nhãn)	cây	9,00	162.000		1.458.000	0
d	Chính sách hỗ trợ: 01 khẩu hưởng lương					40.598.560	Chính sách hỗ trợ: 01 khẩu hưởng lương					39.864.360	-734.200
	- Hỗ trợ sản xuất (khoản 2, Điều 26 Quyết định 02/2007/QĐ-TTg)	m2	734,20	1.000		734.200	- Hỗ trợ sản xuất (khoản 2, Điều 26 Quyết định 02/2007/QĐ-TTg)	m2	-	1.000		-	-734.200

Tờ trình số 33/TT-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TT-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TT-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TT-TCTLN ngày 26/10/2017; Tờ trình số 350/TT-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành							Tổ công tác liên ngành thẩm định						
STT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Chênh lệch
	- Hỗ trợ di chuyển: Đối với hộ gia đình có 01 khẩu	chuyến	1,00	1.000.000		1.000.000	- Hỗ trợ di chuyển: Đối với hộ gia đình có 01 khẩu	chuyến	1,00	1.000.000		1.000.000	0
	- Hỗ trợ xây dựng nhà 1 khẩu = 15m2 (Điều 23, Quyết định 02/2007/QĐ-TTg)	m2	15,00	2.461.000		36.915.000	- Hỗ trợ xây dựng nhà 1 khẩu = 15m2 (Điều 23, Quyết định 02/2007/QĐ-TTg)	m2	15,00	2.461.000		36.915.000	0
	- Hỗ trợ y tế	hộ	1,00	150.000		150.000	- Hỗ trợ y tế	hộ	1,00	150.000		150.000	0
	- Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới	hộ	1,00	300.000		300.000	- Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới	hộ	1,00	300.000		300.000	0
	- Hỗ trợ chất đốt: 4 lít dầu hỏa x 13.880 đồng x 12 tháng = 666.240đồng/khẩu	khẩu	1,00	666.240		666.240	- Hỗ trợ chất đốt: 4 lít dầu hỏa x 13.880 đồng x 12 tháng = 666.240đồng/khẩu	khẩu	1,00	666.240		666.240	0
	- Hỗ trợ chất đốt: 2 lít dầu hỏa x 13.880 đồng x 12 tháng = 333.120đồng/khẩu	khẩu	1,00	333.120		333.120	- Hỗ trợ chất đốt: 2 lít dầu hỏa x 13.880 đồng x 12 tháng = 333.120đồng/khẩu	khẩu	1,00	333.120		333.120	0
	- Hỗ trợ khẩu hưởng lương	khẩu	1,00	500.000		500.000	- Hỗ trợ khẩu hưởng lương	khẩu	1,00	500.000		500.000	0
e	Tái định cư						Tái định cư						
	Hộ gia đình bị thu hồi hết đất ở, có nhà trên đất bị thu hồi, phải di chuyển chỗ ở, được công an phường Him Lam, UBND phường Him Lam xác minh sinh sống tại tổ 17, phường Him Lam đủ điều kiện giao 01 suất đất tái định cư theo quy định, nhưng phải truy thu 50% tiền sử dụng đất tại phương án bồi thường.						Tổ công tác liên ngành đã trình tại Tờ trình số 310/TT-TCTLN ngày 26/10/2017						
40							Doãn Văn Nguyệt	Thửa 7; TBD 68; ký hiệu ODT				560.708.532	560.708.532
							- Diện tích đo đạc	m2	1.000,00				
							- Diện tích thu hồi đường 60 m	m2	850,00				
							- Diện tích thu hồi hạ tầng khung	m2	150,00				

Tờ trình số 33/TT-TCTLN ngày 28/01/2016; Tờ trình số 175/TT-TCTLN ngày 10/5/2016; Tờ trình số 301/TT-TCTLN ngày 7/9/2016; Tờ trình số 310/TT-TCTLN ngày 26/10/2017; Tờ trình số 350/TT-TCTLN ngày 7/12/2017 của Tổ công tác liên ngành

Tổ công tác liên ngành thẩm định

STT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	Chênh lệch
a	Bồi thường về đất						Bồi thường về đất					384.455.000	384.455.000
							Bồi thường đất trồng cây lâu năm	m2	850,0	68.000		57.800.000	57.800.000
							Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (mức hỗ trợ 30% giá đất ở trung bình)	m2	850,0	384.300		326.655.000	326.655.000
b	Tài sản, vật kiến trúc						Tài sản, vật kiến trúc					175.403.532	175.403.532
							- Nhà trọ xây xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 12,7 x 4m	m2	50,80	2.371.920	80%	96.394.829	96.394.829
							- Nhà trọ xây xây tường 10, lợp pro, nền láng XM: 9,4 x 4,3m	m2	40,42	2.371.920	80%	76.698.405	76.698.405
							- Chuồng gia cầm khác: 1 x 1,2m	m2	1,20	81.120	80%	77.875	77.875
							- Sân BTS: 4 x 4,3m	m2	17,20	162.240	80%	2.232.422	2.232.422
d	Chính sách hỗ trợ:						Chính sách hỗ trợ					850.000	850.000
							- Hỗ trợ sản xuất (khoản 2, Điều 26 Quyết định 02/2007/QĐ-TTg)	m2	850,00	1.000		850.000	850.000
e	Tái định cư						Tái định cư						
							Không được bố trí tái định cư						
	Tổng cộng					870.518.779						869.219.056	-1.299.723

BIỂU 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NÓI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYÊN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA PHƯỜNG NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NÓI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PÚ TỬU, THỊ TRẤN HUYỆN ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Tờ trình số: ... 3.0.9...../TTr-TCTLN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tổ công tác liên ngành)

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
A	Tổng kinh phí tổ chức thực hiện	(25.994)
I	Kinh phí phê duyệt phương án (2%)	
II	Kinh phí cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB (70%)	(25.994)
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất;	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác;	
3	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;	
4	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
5	Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
	i) Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);	
7	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	
III	Kinh phí cho Tổ công tác của tỉnh (28%)	
1	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	
2	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
3	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
4	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thẩm định, giải quyết các vướng mắc phát sinh...)	
B	Dự phòng cường chế kiểm đếm, cường chế thu hồi đất (10%)	
C	TỔNG CỘNG	-25.994